TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2020/QĐST-HNGĐ	*Phù Cừ, ngày 22 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;

Bị đơn: Anh Doãn Đình V, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 14 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Doãn Đình V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Doãn Đình V thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Doãn Thị Kim N, sinh ngày 12/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, số tiền mỗi tháng là 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Thời hạn nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung tính từ tháng 5/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, nếu anh V không thi hành theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005967 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ; chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ2;
(*Số ĐKKH 54 ngày 29/9/2017*)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phượng